

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NGOẠI NGỮ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

• **ThS. BÙI ĐỨC THIỆP**

*Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục*

## **I. Tình hình dạy và học ngoại ngữ ở trường phổ thông Việt Nam**

Từ sau khi nước nhà giành được độc lập, tự do (9/1945) đến nay, do những điều kiện lịch sử, quan hệ ngoại giao và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta đã tổ chức dạy và học một số ngoại ngữ, trong đó phổ biến là bốn thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga và Trung Quốc. Nhờ có sự quan tâm của Nhà nước, địa phương và của ngành giáo dục, số trường học có dạy ngoại ngữ phát triển nhanh. Tính đến năm học 2003 - 2004, cả nước có 91,1% trường trung học cơ sở (THCS) và 97,7% trường trung học phổ thông (THPT) có dạy ngoại ngữ. Ngoại ngữ đã trở thành môn thi tốt nghiệp của cấp THPT, số lượng học sinh (HS) học và tham gia thi tốt nghiệp môn Ngoại ngữ ngày càng tăng (\*). Hình thức dạy và học ngoại ngữ đa dạng: ngoại ngữ là môn học bắt buộc ở trung học và là môn học tự chọn ở tiểu học. Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Trung Quốc trở thành những môn chuyên ở các trường THPT chuyên; tiếng Pháp được dạy tăng cường để có thể trở thành một chuyên ngữ ở một số địa phương. Chương trình và SGK ngoại ngữ đã được xây dựng và biên soạn để giảng dạy trong trường phổ thông từ tiểu học đến trung học. Đặc biệt, từ năm học 2000 - 2001, Bộ GD&ĐT đã chỉ đạo triển khai thí điểm việc dạy và học theo chương trình và SGK mới môn Ngoại ngữ từ lớp 6 THCS đến hết lớp 12 THPT.

Việc dạy và học ngoại ngữ ở trường phổ thông đã góp phần thúc đẩy sự tiến bộ trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội của nước ta trong suốt thời gian qua. Tuy nhiên, xét từ nhu cầu phát triển của đất nước và đặt việc dạy và học ngoại ngữ trong bối cảnh phát triển chung của thế giới và khu vực, chúng ta cũng đã nhận thấy những bất cập của việc dạy và học ngoại ngữ. Nhìn

chung, chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở trường phổ thông chưa cao; mục tiêu dạy và học ngoại ngữ đặt ra chưa phù hợp; chương trình còn tản mạn: chương trình THPT 3 năm, chương trình 7 năm cho THCS và THPT, chương trình tăng cường tiếng Pháp, ... không bảo đảm sự liên thông trong dạy và học giữa các cấp học khiến cho công tác chỉ đạo quản lí, tổ chức kiểm tra đánh giá gặp nhiều khó khăn. Nội dung, phương pháp dạy và học chưa tập trung đúng mức vào việc phát triển kĩ năng giao tiếp thực sự cho HS; thời lượng dạy và học ngoại ngữ chưa đủ, đội ngũ giáo viên (GV), chưa đảm bảo đủ về số lượng, chưa đạt yêu cầu về chất lượng theo yêu cầu của chương trình, thiết bị phục vụ dạy và học ngoại ngữ còn nghèo nàn... Vì vậy, sau khi tốt nghiệp phổ thông, nhiều HS không có khả năng giao tiếp bằng tiếng nước ngoài như mục tiêu đề ra.

Tình hình như vậy đòi hỏi chúng ta phải xem xét lại việc dạy và học ngoại ngữ của nước ta trong thời gian vừa qua để tạo ra một sự chuyển biến thật sự, mang tính đột phá trong công tác dạy học ngoại ngữ trong những năm sắp tới. Một trong những khâu then chốt của việc đổi mới dạy học ngoại ngữ hiện nay và những năm tiếp theo là đổi mới về phương pháp.

## **II. Một số yêu cầu chung về đổi mới phương pháp dạy học ngoại ngữ ở trường phổ thông**

Phương pháp dạy học là cách thức hoạt động của GV trong việc chỉ đạo, tổ chức các hoạt động học tập nhằm giúp cho HS chủ động đạt tới mục tiêu dạy học. Trong quá trình vận hành của phương pháp dạy học, GV là chủ thể của hoạt động dạy, HS là chủ thể của hoạt động học, đồng thời là đối tượng của hoạt động dạy. Hai chủ thể này phải hợp tác với nhau để tạo nên hiệu quả của quá trình dạy học, nhưng HS luôn luôn là

(\* ) Theo số liệu của Vụ Giáo dục Trung học, năm học 2001-2002 có 593.644 HS (90,36%) thi tốt nghiệp tiếng nước ngoài.



trung tâm của quá trình này, bởi vì, nếu HS không chủ động học, không có cách học tốt và GV không hướng toàn bộ hoạt động dạy vào HS, thì việc dạy học khó có thể đạt kết quả mong muốn.

Đổi mới phương pháp dạy học ngoại ngữ ở trường phổ thông cần đáp ứng những yêu cầu chung như sau :

- Quán triệt quan điểm dạy học giao tiếp, dạy học theo chủ điểm và dạy học lấy HS làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS trong học tập trên lớp và tự giác học tập, rèn luyện ngoài giờ học.

- Đảm bảo thực hiện mục tiêu chung của việc dạy học ngoại ngữ là: giúp HS sử dụng ngoại ngữ như một công cụ giao tiếp ở mức độ cơ bản về các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong quá trình làm việc hoặc tiếp tục học tập ở các trình độ cao hơn sau khi kết thúc giai đoạn giáo dục phổ thông.

- Gắn liền với đổi mới hình thức tổ chức dạy học trên lớp và đổi mới đánh giá kết quả học tập.

- Hình thành phương pháp học tập nói chung và phương pháp tự học nói riêng cho HS.

### III. Một số phương pháp dạy học ngoại ngữ

Mục tiêu của việc dạy học ngoại ngữ là trang bị cho người học một công cụ giao tiếp, nghĩa là trang bị cho họ những kiến thức ngôn ngữ một cách có hệ thống, những hiểu biết về đất nước, con người có ngôn ngữ đang được dạy học như một ngoại ngữ và quan trọng hơn là hình thành các kĩ năng giao tiếp cơ bản là nghe, nói, đọc, viết để họ có thể sử dụng trong những tình huống giao tiếp cụ thể, phù hợp với những yêu cầu, hoàn cảnh sống, làm việc và học tập của họ. Với cách hiểu như vậy, quá trình dạy học ngoại ngữ có hai nhiệm vụ cơ bản, đó là dạy kiến thức và hình thành kĩ năng giao tiếp. Tương ứng với hai nhiệm vụ đó là hai nhóm phương pháp dưới đây.

#### 1. Phương pháp dạy và học các kiến thức ngôn ngữ

Hành động lời nói là đơn vị tối thiểu của giao tiếp, vì vậy cũng là đơn vị dạy học cơ bản, được đưa vào quá trình dạy học trong mối liên hệ tác động qua lại lẫn nhau với những hành động lời nói khác. Mỗi đơn vị giao tiếp cơ bản, tối thiểu đều được cấu tạo bởi từ, cụm từ, vì vậy nội dung chính của việc trang bị kiến thức ngôn ngữ thường bao gồm việc dạy từ vựng và dạy cấu

trúc ngữ pháp.

#### 1.1. Phương pháp dạy từ vựng

Về nguyên tắc, việc dạy học từ vựng được tích hợp với ngữ âm, ngữ pháp trong một chỉnh thể thống nhất. Cho dù GV có tách một từ ra để giới thiệu riêng thì cũng không thể không dạy cách phát âm, viết chính tả và cách dùng của từ đó trong hành động lời nói. Nhưng trong bất cứ một bài học nào cũng có nhiều từ mới mà người học cần phải học, cần phải ghi nhớ, vì vậy, GV cần phải lựa chọn những từ có tần suất sử dụng cao, những từ HS chưa biết và có ảnh hưởng đáng kể tới việc nắm nội dung của bài học. Đồng thời việc dạy học từ vựng phải gắn với ngữ cảnh, tình huống giao tiếp cụ thể và thông qua việc luyện tập, thực hành các kĩ năng ngôn ngữ.

Để việc dạy học từ vựng có hiệu quả, GV có thể sử dụng một số phương pháp như sau :

- Phương pháp trực quan: GV dùng các vật thật, mô hình, tranh ảnh, và động tác để giúp HS thông qua quan sát trực tiếp hiểu được nghĩa của từ.

- Phương pháp liên tưởng: GV sau khi giảng giải một từ mới, yêu cầu lần lượt từng HS nói ra một từ hoặc cụm từ có quan hệ về ý nghĩa (đồng nghĩa, trái nghĩa) với từ GV vừa đưa ra. Yêu cầu của phương pháp này là HS không được lặp lại từ, ngữ của nhau và thời gian suy nghĩ, tìm từ không được quá lâu (4-5 giây).

- Phương pháp sắp xếp, tổ hợp từ thành cụm từ, câu hoàn chỉnh. Phương pháp này chủ yếu rèn luyện cho HS vừa nắm được ý nghĩa, tính chất từ loại của từ, vừa hiểu được và vận dụng được cách dùng của từ trong đơn vị lời nói cụ thể.

- Phương pháp tình huống: GV đưa ra các tình huống ngôn ngữ (tìm từ hoặc lựa chọn từ cho sẵn điền vào chỗ trống; xác định đáp án đúng, sửa lỗi dùng từ ...) hoặc các tình huống giao tiếp (Chào hỏi, làm quen, giới thiệu ...) để HS tập sử dụng các từ đã học.

- Phương pháp phiên dịch: GV có thể dùng nghĩa tương đương trong tiếng Việt để giúp HS hiểu và nắm được ý nghĩa và cách dùng của từ mới, đặc biệt là hư từ, trong trường hợp nếu dùng các phương pháp khác thì không thể giải thích ý nghĩa của chúng được. Tuy nhiên, không nên lạm dụng phương pháp này. Việc tận dụng sự chuyển di tích cực của tiếng mẹ đẻ trong dạy học ngoại ngữ thường chỉ áp dụng ở giai đoạn đầu,



khi HS còn ít vốn từ và kiến thức về ngữ pháp.

**1.2. Phương pháp dạy cấu trúc ngữ pháp**

Cũng giống như dạy từ vựng, việc dạy cấu trúc ngữ pháp cũng được tiến hành trong mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chiến lược giao tiếp. Dạy ngữ pháp phải đảm bảo mối quan hệ giữa cấu trúc ngữ pháp và chức năng giao tiếp. Kiến thức ngữ pháp được hình thành và hệ thống hoá thông qua việc luyện tập các kĩ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết, tức là việc dạy học cấu trúc ngữ pháp phải phục vụ cho việc hình thành năng lực giao tiếp chứ không nhằm vào việc phát triển kiến thức ngữ pháp là chính.

Có thể nêu lên một số phương pháp dạy học cấu trúc ngữ pháp như sau:

- Phương pháp mô phỏng: GV đưa ra các cấu trúc, câu mẫu để HS sử dụng từ ngữ đã học mô phỏng đặt câu.

- Phương pháp chuyển đổi loại hình câu: GV đưa ra một loại hình câu cụ thể để HS dựa vào đó chuyển đổi loại hình dưới dạng : mở rộng hoặc rút gọn; chuyển từ câu trần thuật thành câu hỏi, câu khẳng định thành câu phủ định, câu đơn thành câu ghép v.v..

- Phương pháp tình huống: Tương tự như khi dạy học từ vựng, GV đưa ra các tình huống\*ngôn ngữ ( sắp xếp từ ngữ cho sẵn thành câu, lựa chọn từ ngữ thích hợp để hoàn thành câu ...) hoặc các tình huống giao tiếp thông qua tranh ảnh, băng/đĩa ghi hình ... để HS tiếp thu, nắm vững các cấu trúc ngữ pháp.

- Phương pháp phiên dịch: Trong trường hợp sử dụng các phương pháp nói trên vẫn có khó khăn thì GV có thể tận dụng sự chuyển di tích cực của tiếng Việt để giúp HS hiểu và nắm được ý nghĩa và cách dùng của cấu trúc ngữ pháp mới lạ. Tuy nhiên, không nên lạm dụng phương pháp này.

**2. Phương pháp dạy học các kĩ năng ngôn ngữ**

**2.1. Rèn luyện kĩ năng nghe hiểu**

Nguyên tắc của việc rèn luyện kĩ năng nghe hiểu là phải cung cấp cho HS những thông tin có thể hiểu được. Chỉ khi nào HS có thể nghe hiểu tài liệu ngôn ngữ mà GV cung cấp thì khi đó HS mới tích lũy được kinh nghiệm. Và cũng chỉ khi nào HS có thể nghe hiểu được thì khi đó mới tăng cường được niềm tin và động lực học tập của họ.

Yêu cầu rèn luyện kĩ năng nghe hiểu có thể

chia thành hai loại : một là nghe hiểu toàn bộ nội dung, từ chính thể đến chi tiết, bao gồm từng từ ngữ. Đối với yêu cầu này, GV khi lựa chọn tài liệu ngôn ngữ cần phải hết sức thận trọng, không nên có nhiều từ mới, và không có điểm ngữ pháp mới, mức độ của thông tin không nên quá dài. Loại yêu cầu thứ hai là chỉ nghe hiểu ý chính, không yêu cầu nghe hiểu mọi chi tiết. Đối với yêu cầu này, GV có thể tương đối tự do trong việc lựa chọn tài liệu ngôn ngữ. Trong hai yêu cầu này, yêu cầu thứ nhất là chính, yêu cầu thứ hai là phụ, HS nghe hiểu càng nhiều thì hiệu quả rèn luyện càng cao.

Trọng điểm của việc dạy học nghe hiểu là nâng cao năng lực phân biệt, phân tích thông tin, năng lực ghi nhớ, tích lũy thông tin, năng lực liên tưởng, phán đoán, năng lực phản ứng nhanh, năng lực vừa nghe vừa ghi, năng lực nghe trước rồi mô phỏng, năng lực kiểm soát khi nghe và năng lực khái quát, tổng kết.

Việc rèn luyện kĩ năng nghe hiểu ở THPT được tiến hành theo các bước và các bài tập tương ứng với các bước đó như sau:

STT	Các bước rèn luyện	Bài tập tương ứng
1	Nhận biết và ghi nhớ các từ ngữ, câu hoặc chuỗi lời nói cụ thể của hành động giao tiếp.	Nghe và nhắc lại các cụm từ, câu hoặc chuỗi lời nói cụ thể.
2	Nhận biết quan hệ ngữ pháp của từ ngữ trong các cụm từ, câu, hoặc chuỗi lời nói.	Nghe và lựa chọn đáp án đúng.
3	Nhận biết tính chất và hiệu nội dung của câu, chuỗi lời nói thông qua ngữ điệu.	Nghe và phân biệt ngữ điệu của câu trần thuật, câu hỏi, câu cảm thán,...
4	Nhận biết và hiểu nội dung của những phát ngôn gắn với tình huống, hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp khác nhau.	- Nghe và tóm tắt nội dung - Nghe - trả lời câu hỏi - Nghe - mô phỏng để trình bày nội dung theo chủ đề chỉ định.

Phương pháp rèn luyện kĩ năng nghe hiểu cần lấy nghe là chính, trên cơ sở đó kết hợp nghe và nói, nghe và đọc, nghe và viết, nghe và thực hành. Bởi vì bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết vừa có mối liên hệ với nhau vừa có sự khác biệt

với nhau. Việc đạt được một kĩ năng nào đó không thể chỉ là kết quả của việc rèn luyện một cách cô lập và đơn độc kĩ năng đó. Về cơ bản, nghe là hành vi bị động, rèn luyện kĩ năng nghe nếu như chỉ hạn chế trong việc nghe và làm bài tập để đối phó với thi cử, thì vừa không thể làm cho không khí lớp học sôi động, khó phát huy tính tích cực, chủ động của HS, vừa không thể nâng cao toàn diện năng lực giao tiếp của HS.

**2.2. Rèn luyện kĩ năng nói**

Nguyên tắc của việc rèn luyện kĩ năng nói là phải xuất phát từ mục đích giao tiếp để tiến hành luyện tập kĩ năng nói có sự chỉ đạo, đạt được mục đích nâng cao năng lực giao tiếp. Mục đích dạy học ngoại ngữ (ngôn ngữ thứ hai) là bồi dưỡng cho HS năng lực vận dụng ngôn ngữ đã học và tiến hành giao tiếp trong phạm vi nhất định.

Trọng điểm của việc rèn luyện kĩ năng nói là kĩ năng biểu đạt bằng lời (khẩu ngữ), bao gồm: năng lực nhanh chóng tổ chức nội dung lời nói; năng lực lựa chọn từ chính xác để đặt câu; năng lực lựa chọn phương thức biểu đạt thích đáng và năng lực sử dụng kĩ xảo âm thanh một cách khéo léo.

Việc rèn luyện kĩ năng nói ở THPT được tiến hành theo các bước và các bài tập tương ứng với các bước đó như sau :

STT	Các bước rèn luyện	Bài tập tương ứng
1	Sử dụng từ ngữ đã học để diễn đạt bằng miệng nội dung giao tiếp dưới hình thức câu đơn lẻ.	Dùng từ đặt câu.
2	Sử dụng ngữ điệu để biến đổi tính chất của câu nói : câu trần thuật, câu hỏi, câu cảm thán,...	Nghe, sau đó dùng các loại ngữ điệu để biến đổi câu đã nghe thành câu trần thuật, câu hỏi, câu cảm thán.
3	Sử dụng từ ngữ đã học để diễn đạt nội dung giao tiếp, có phân biệt cách dùng của từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa.	Nghe - trả lời câu hỏi Nghe - lựa chọn đáp án đúng
4	Nói lại nội dung chính của đoạn văn hoặc bài khoá vừa học.	- Sắp xếp từ ngữ cho sẵn thành câu, chuỗi lời nói cụ thể .
5	Trình bày một vấn đề theo nội dung chủ đề của bài khoá.	Mô phỏng nội dung, cấu trúc bài khoá nói về một vấn đề do GV chỉ định.

Phương pháp rèn luyện kĩ năng nói là phương pháp rèn luyện tổng hợp, trong đó, nói là

chính và có chú trọng kết hợp nghe trước nói sau, đọc trước nói sau, kết hợp nói và viết. Trong quá trình lên lớp, GV phải quán triệt nguyên tắc giảng ít, luyện nhiều, cố gắng nói tới mức ít nhất để dành thời gian, cơ hội cho HS, nâng cao tần suất "mở miệng" của HS, giúp HS thực sự trở thành chủ thể của hoạt động trên lớp.

**2.3. Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu**

Đọc hiểu là một mục tiêu quan trọng của chương trình dạy học tiếng Trung Quốc ở THPT. HS sau khi học xong chương trình tiếng Trung Quốc ở THPT phải có khả năng đọc hiểu tiếng Trung Quốc nhằm giúp cho việc tìm kiếm và lĩnh hội thông tin từ các văn bản viết thông qua kênh chữ Hán (giản thể).

Ở giai đoạn THPT, HS cần được hướng dẫn, rèn luyện để nhanh chóng chuyển từ hình thức đọc thành tiếng (chỉ phù hợp với giai đoạn đầu của việc học tiếng Trung Quốc) sang đọc thầm (đọc giao tiếp), bởi vì khi đọc thành tiếng, HS phải chú ý nhiều đến kĩ thuật đọc, không tập trung chú ý vào nội dung của văn bản, nên sẽ hạn chế khả năng đọc nhanh, đọc hiểu của HS.

Để tiến hành rèn luyện kĩ năng đọc hiểu của HS, cần thực hiện theo các bước và sử dụng các kiểu bài tập chủ yếu như sau :

STT	Các bước rèn luyện	Bài tập tương ứng
1	Đọc hiểu một bài không có từ mới, cấu trúc mới.	Đọc - trả lời câu hỏi.
2	Đọc hiểu một bài có vài từ mới hoặc có hiện tượng ngữ pháp mới, nhưng dễ đoán được nội dung giao tiếp.	Đọc - lựa chọn đáp án đúng.
3	Đọc hiểu một bài có từ mới hoặc hiện tượng ngữ pháp mới cần phải sử dụng đến công cụ tra cứu như từ điển, sách hướng dẫn ...	Đọc - Lựa chọn từ ngữ cho trước điền trống.
4	Đọc hiểu và ghi nhớ được chủ đề và ý chính của bài.	Đọc - lựa chọn câu phù hợp với chủ đề và ý chính của bài.
5	Đọc hiểu và ghi nhớ nội dung chủ yếu của bài trong thời gian hạn định.	- Dựa theo bài đọc trả lời các câu hỏi - Kể hoặc viết lại nội dung chính của bài đọc.

**2.4. Rèn luyện kĩ năng viết**

Kĩ năng viết là một trong 4 kĩ năng không thể thiếu được sau khi học tiếng Trung Quốc. Nếu như ở giai đoạn mới bắt đầu học tiếng Trung Quốc, yêu cầu về mức độ hình thành kĩ năng viết chủ yếu nhấn mạnh đến việc viết đúng chữ Hán



(các nét cơ bản, thứ tự viết các nét,...), phân biệt được các chữ dễ nhầm lẫn, viết đúng ngữ pháp, thì ở giai đoạn THPT, việc rèn luyện kĩ năng viết phải chú ý đến những yêu cầu cao hơn, như: viết lại các ý chính của bài học (bài đọc, bài nghe); viết tóm tắt nội dung bài học; viết một bài đối thoại hoặc một bài văn liên ý theo chủ đề và nội dung chỉ định và viết một bài theo chủ đề tự chọn.

Quá trình rèn luyện kĩ năng viết, có thể tiến hành theo các bước và các bài tập như sau:

STT	Các bước rèn luyện	Bài tập tương ứng
1	Tóm tắt nội dung bài đọc	Đặt câu hỏi và trả lời theo nội dung bài đọc, theo tinh hướng giả định và theo tranh vẽ.
2	Viết lại nội dung bài đọc bằng lời của mình.	Dựa vào các câu hỏi gợi ý, dùng vốn từ ngữ đã học viết lại nội dung chính của bài đọc.
3	Diễn đạt dưới dạng văn viết những suy nghĩ đơn giản về chủ đề đã học	- Viết thư kể về những công việc thường ngày của bản thân và tập thể
4	Trình bày ngắn gọn, rõ ràng về nguyện vọng, sở thích, năng lực, trình độ học vấn của cá nhân dưới dạng văn viết tương đối hoàn chỉnh	- Viết một số văn bản ứng dụng, như: đơn xin học, đơn xin việc làm, sơ yếu lí lịch, thư chúc mừng, cảm ơn,...
5	Nhận biết lỗi văn bản và sửa lại cho đúng.	Bài tập sửa lại cho đúng.

Những phương pháp dạy học ngoại ngữ nêu trên có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong quá trình dạy học ngoại ngữ hiện nay. Tuy nhiên nếu chỉ riêng những phương pháp đó thôi thì chưa đủ. Để nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, GV còn phải biết lựa chọn hình thức tổ chức lớp học phù hợp với việc áp dụng những phương pháp dạy học ngoại ngữ cụ thể. Ví dụ như khi rèn luyện kĩ năng hội thoại, GV nên chia HS trong lớp thành các cặp hoặc nhóm nhỏ (do GV chỉ định hoặc do HS tự chọn). Ngoài ra, cũng còn phụ thuộc rất nhiều vào việc chuẩn bị giáo án, thiết bị, đồ dùng dạy học của GV sao cho phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, mục đích, nội dung của bài học và khả năng, trình độ nhận thức và hứng thú học tập ngoại ngữ của HS.

SUMMARY

The article present the status quo of teaching foreign languages at present in general school and some teaching methods.

TRƯỜNG MẦM NON BÁN CÔNG...

(Tiếp theo trang 25)

các địa phương và các trường MNBC khi phải chuyển đổi sang một loại hình khác sao cho các vùng, miền khác nhau, với những điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau vẫn có thể vận dụng và thực hiện được (kể cả những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn).

2.3. Đối với khu vực nông thôn:

- Việc chuyển đổi các trường MNBC hiện nay sang loại hình dân lập hay tư thực đều sẽ gặp nhiều khó khăn. Nhìn chung, nguồn thu ở các xã còn rất thấp và đời sống của người dân cũng còn nhiều khó khăn, nên khi thành lập trường, đã không đảm bảo được chế độ cho giáo viên. Vì vậy, để có thể tồn tại loại hình mầm non dân lập ở nông thôn, nhất là vùng nông thôn khó khăn, Nhà nước cần có chính sách ưu đãi đặc biệt: hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động thường xuyên cho các nhà trường.

- Đối với các trường mầm non dân lập sẽ thành lập mới, Nhà nước cần hỗ trợ một phần cho xây dựng cơ sở vật chất ban đầu và duy trì việc hỗ trợ thêm kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của nhà trường.

Tuy nhiên, những chính sách trên chỉ có thể thực hiện khi đã có những quy định hết sức cụ thể về trách nhiệm của từng cấp, ngành trong việc đầu tư, hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở GDMN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Điều lệ trường mầm non (Ban hành kèm theo quyết định số 27/2000/QĐ- BGD&ĐT ngày 20/7/2000 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)
2. Luật Giáo dục, NXB CTQG, Hà Nội, 2005.
3. Nghị quyết 90/ CP ngày 21/8/1997, Phương hướng và chủ trương xã hội hoá các hoạt động giáo dục, văn hoá, y tế.
4. Phạm Thị Phương, Đa dạng hóa các loại hình giáo dục mầm non tại Nghệ An, Tạp chí Giáo dục mầm non, 1/1998.
5. Quyết định 161/2002/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển giáo dục mầm non, 15/11/2002.

SUMMARY

The article highlights the existing scope, operational mechanism and decentralized management of semi-public pre-primary institutions (kindergartens) and some specific solutions.